

Số: 156/2026/QĐST - HNGĐ

Ninh Bình, ngày 07 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 123/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị M**, sinh ngày 29-06-2006; Số căn cước công dân: 036306006618; nơi cư trú: **Xóm Đ, xã G, tỉnh Ninh Bình**.

- Bị đơn: Anh **Trần Minh T**, sinh ngày 02-10-2004; Số căn cước: 036204003934; nơi cư trú: **Tổ dân phố H, phường N, tỉnh Ninh Bình**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đỗ Thị M** và anh **Trần Minh T**.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị M** và anh **Trần Minh T** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao cháu **Trần Đỗ Linh A**, sinh ngày 25-11-2025, giới tính nữ cho chị **M** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu **Linh A** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự lập được;

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Trần Minh T** cấp dưỡng nuôi con chung (Cháu **Trần Đỗ Linh A**) cùng chị **M** là 3.000.000 đồng/tháng; thời gian chuyển tiền cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15-4-2026 cho đến khi cháu **Linh A** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự lập được.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Anh **Trần Minh T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng anh **T** không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị **Đỗ Thị M**.

- Về án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị **Đỗ Thị M** tự nguyện nộp 150.000 đồng (Cả phần án phí của anh **T**) và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (Nộp thay anh **T**). Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị **M** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001285 ngày 19-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được đối trừ;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hải Ninh